

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trung Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tổng Thị Hoài T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định. *Có đơn xin xử vắng mặt*

- *Bị đơn:* Anh Lưu Việt K, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 6 năm 2021, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Tổng Thị Hoài T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K kết hôn với nhau vào ngày 13/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính cách và lối sống không hòa hợp, luôn bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân 08 năm nay, không còn ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Hiện tại, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K.

- Về con chung và tài sản chung: Chị T khai nhận vợ chồng có 01 con chung Lưu Triệu C, sinh ngày 27/10/2012 và sống với anh K từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Sau khi ly hôn, chị và anh K đã có thỏa thuận giao con cho anh K tiếp tục nuôi dạy con cho đến khi con trưởng thành và chị không phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng với anh K. Về tài sản chung thì vợ chồng không có tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định chung. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid 19 tại địa bàn chị đang sinh sống hết sức phức tạp nên bị hạn chế trong việc đi lại. Vì vậy, ngày 02/8/2021 chị có đơn đề nghị vắng mặt tất cả các buổi làm việc do Tòa án triệu tập, đồng thời xin xét xử vắng mặt (BL: 28).

*\* Tại bản tự khai ngày 06/8/2021 và tại phiên tòa anh Lưu Việt K trình bày:*

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân, tình trạng hôn nhân hiện tại của vợ chồng; con chung, thỏa thuận về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn giống như chị T đã trình bày nên anh không có ý kiến gì thêm. Nay chị T có đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn cũng như nhất trí nuôi cháu C đến khi trưởng thành mà không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết về tài sản. Nay, chị T đã có đơn xin xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị T theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân cấp huyện nơi bị đơn cư trú giải quyết. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đồng ý xét xử vắng mặt nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Chị Tống Thị Hoài T và anh Lưu Việt K có đăng ký kết hôn vào ngày 13/8/2012 tại UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn

số 27/2012, quyền số: 03/2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của các đương sự là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

Hiện tại các đương sự đều xác định tình cảm không còn vì mâu thuẫn kéo dài, dẫn đến sống ly thân nhau 08 năm nay và không ai còn quan tâm gì đến nhau, bỏ mặc nhau nên đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng tình cảm giữa các đương sự đã thực sự phai nhạt, đời sống hôn nhân trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh K là có cơ sở, cần được chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các đương sự đều thừa nhận có 01 con chung là Lưu Triệu C, sinh ngày 27/10/2012. Sau khi ly hôn các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao con chung cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng với anh K. Xét thấy việc thỏa thuận việc nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của các đương sự nêu trên là tự nguyện và đúng với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận..

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tổng Thị Hoài T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và các Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tổng Thị Hoài T ly hôn anh Lưu Việt K.

**2.** Về con chung: Giao con chung Lưu Triệu C, sinh ngày 27/10/2012 cho anh Lưu Việt K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi; ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về việc anh Lưu Việt K không buộc chị Tổng Thị Hoài T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu

cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

**4. Về án phí:** Chị Tổng Thị Hoài T phải chịu nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000649 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Đương sự đã nộp đủ án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/8/2021). Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- UBND xã Y, huyện Z, QB  
(GCNKH số: 27/2012 ngày 13/8/2012);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Trung Thành**